



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG
Lô A2, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, P. Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Đt: 056.3848488 – Fax: 056.3848588 – Website: www.pce.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2015

Quy Nhơn, tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

Phần I. Thông tin chung	01
I. Thông tin khái quát	01
II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	01
III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	02
IV. Định hướng phát triển	03
V. Các rủi ro.....	03
Phần II. Tình hình hoạt động trong năm 2015	05
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	05
II. Tổ chức và nhân sự	06
III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.....	08
IV. Tình hình tài chính	08
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	09
VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	10
Phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	11
I. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.....	11
II. Tình hình tài chính	11
III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	12
IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai	13
V. Giải trình ý kiến của kiểm toán (nếu có).....	14
VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty ..	14
Phần IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	15
I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	15
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	16
III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	16
Phần V. Quản trị Công ty	17
I. Hội đồng quản trị	17
II. Ban Kiểm soát.....	18
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS.....	20
Phần VI. Báo cáo tài chính	21
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.....	21

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100733174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15/8/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/3/2012.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*).
- Địa chỉ: Lô A2, Cụm CN Nhơn Bình, P.Nhơn Bình, TP.Quy Nhơn, T.Bình Định.
- Số điện thoại: 056 - 3848488.
- Số fax: 056 - 3848588.
- Website: www.pce.vn.
- Mã chứng khoán: PCE

Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 14/01/2005, thành lập Chi nhánh Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên.
- Ngày 27/12/2007, đổi tên Chi nhánh Công ty cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên thành Xí nghiệp kinh doanh Phân bón Miền Trung và Tây Nguyên.
- Ngày 01/9/2008, thành lập Công ty TNHH Một thành viên Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Ngày 01/01/2011, chuyển đổi thành Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Ngày 01/6/2015, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán.
- Ngày 02/7/2015, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định chấp thuận niêm yết.
- Ngày 23/7/2015, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên với mã cổ phiếu là PCE.

II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Quảng cáo.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt.

Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Công ty bao gồm 11 tỉnh khu vực Miền Trung - Tây Nguyên là Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Quảng Trị, Gia Lai, Kon Tum và ĐakLak.

III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- **Mô hình quản trị:**

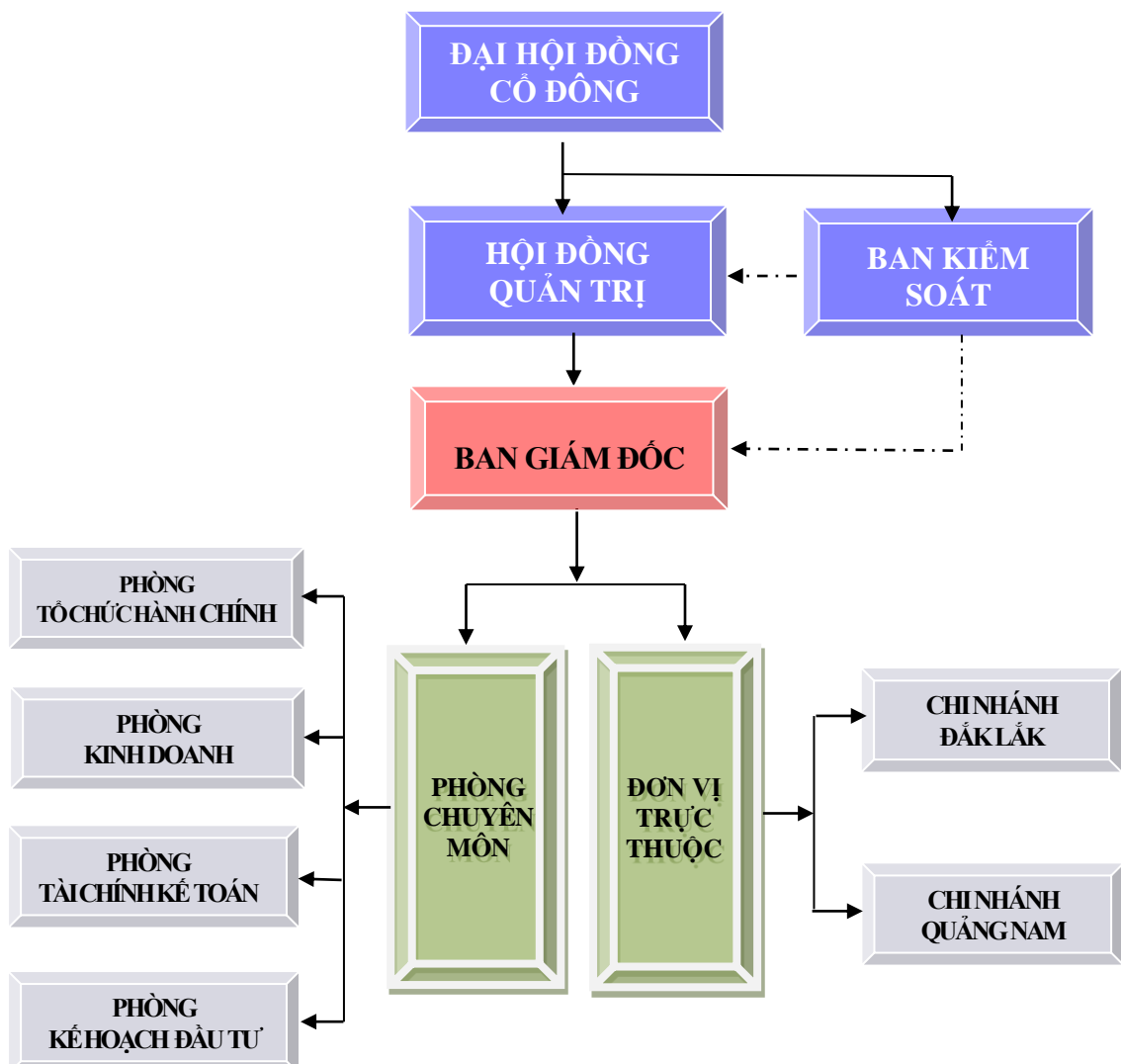
Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Ban Giám đốc

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



IV. Định hướng phát triển

Nguyên tắc phát triển:

- Đổi mới - An toàn - Hiệu quả - Phát triển bền vững.
- Tập trung kinh doanh và phân phối các sản phẩm chủ lực của PVFCCo (urê và các sản phẩm phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ).
- Kiểm soát chặt chẽ quá trình kinh doanh và phân phối nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đến người sử dụng, thực hiện đúng các cam kết với khách hàng.
- Hợp tác phát triển lâu dài với các đối tác.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Duy trì 70% thị phần phân bón Ure tại khu vực.
- Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh, tăng thị phần các sản phẩm phân bón Phú Mỹ và xây dựng phân bón Phú Mỹ là thương hiệu uy tín hàng đầu trên thị trường.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống phân phối tạo sự gắn kết và đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Không ngừng nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của đội ngũ CBNV, trọng tâm là phát triển đội ngũ cán bộ thị trường thấu hiểu và đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.
- Đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, cũng như lợi ích của người lao động.

Chiến lược phát triển:

Đến 2025, Công ty phấn đấu trở thành doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón hạng nhất trong khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và phát triển kinh doanh một số loại hóa chất phục vụ công nghiệp dầu khí và nông nghiệp.

Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Phát triển doanh nghiệp luôn đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

V. Các rủi ro

Với quan điểm quản trị rủi ro làm đòn bẩy để cải thiện hoạt động kinh doanh, Công ty luôn nhận định và kiểm soát các rủi ro gắn liền với mục tiêu, chiến lược của Công ty để phát triển bền vững. Công ty đã nhận diện một số rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh như sau:

- Rủi ro về thời tiết: tình hình biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp. Dự báo năm 2016, tình trạng khô hạn sẽ tiếp tục xảy ra trên diện rộng, đặc biệt khu vực Tây nguyên sẽ phải gánh chịu đợt khô hạn kéo dài nhất trong lịch sử 60 năm qua.
- Rủi ro về giá nông sản: Giá các mặt hàng nông sản giảm mạnh (đặc biệt là cao su, cà phê...) ảnh hưởng đến khả năng tái đầu tư canh tác của bà con nông dân và tác động trực tiếp đến khả năng tài chính của hệ thống kinh doanh vật tư nông nghiệp.
- Rủi ro thị trường (cung vượt cầu): Thị trường phân bón ure sẽ tiếp tục dư thừa nguồn cung do các nhà máy sản xuất ure trong nước đã hoạt động ổn định và nguồn hàng ure nhập khẩu sẽ rất dồi dào chủ yếu từ các nước Indonesia, Malaysia và Trung Quốc.
- Rủi ro cạnh tranh: Sự hội nhập sâu rộng hơn trong TTP (Hiệp định hợp tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương) làm các quốc gia trong đó có Việt Nam có nhiều cơ hội hơn, nhưng cũng sẽ chịu áp lực, thách thức gia tăng, áp lực cạnh tranh ngay tại thị trường phân bón nội địa.

- Rủi ro bên thứ ba liên quan đến nhà cung cấp và về tính thanh khoản của khách hàng: Hệ quả của tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu, các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến nhà cung cấp, khách hàng sẽ có khả năng xảy ra bất kỳ lúc nào đối với Công ty. Để phòng ngừa và hạn chế rủi ro tiềm ẩn, Ban lãnh đạo Công ty đã phân tích, đánh giá khả năng gánh chịu rủi ro của Công ty để xây dựng chính sách quản trị, chính sách bán hàng và công nợ khách hàng;

Công ty đã kiểm soát công nợ chặt chẽ nên trong năm 2015 không xảy ra tranh chấp, nợ xấu trong hoạt động bán hàng.

- Rủi ro khi đưa sản phẩm mới ra thị trường và rủi ro về chất lượng sản phẩm: Hàng loạt các nhà máy sản xuất phân bón trong nước ra đời và cho ra sản phẩm, cùng với nhu cầu sử dụng phân bón của bà con nông dân ngày càng đa dạng, Công ty đã kinh doanh và phân phối các sản phẩm mới mang thương hiệu Phú Mỹ: NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ ... để đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường và tăng năng lực cạnh tranh của Công ty trong thời gian tới.
- Rủi ro về sự thay đổi quy định pháp luật, đặc biệt là thay đổi chính sách thuế đối với mặt hàng phân bón (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015): Chính sách thuế áp dụng cho mặt hàng phân bón thuế suất từ 5% xuống không áp dụng thuế suất. Việc thay đổi chính sách thuế làm tăng chi phí đầu vào và ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Trên cơ sở nhận định những rủi ro như trên, Công ty đã lên kế hoạch kiểm soát thường xuyên để kịp thời phát hiện và có những giải pháp ngăn chặn, hạn chế rủi ro nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu đã định.

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

I. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015

- Biến đổi khí hậu đang ngày càng tác động xấu đến nền kinh tế của Việt Nam, đặc biệt là đối với sản xuất nông nghiệp. Tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên, hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa lũ bất thường, nắng nóng và hạn hán đã xảy ra thường xuyên hơn với mức độ ngày càng nghiêm trọng.
- Biến đổi khí hậu cũng đã làm mất trắng nhiều diện tích cây trồng và làm giảm năng suất của nhiều loại cây chủ lực trong khu vực như cà phê, tiêu, lúa và hoa màu, nhiều vùng đã phải chuyển đổi cây trồng có giá trị thấp hơn do không đủ nguồn nước tưới.
- Bên cạnh đó, giá nông sản giảm, đặc biệt là cà phê đã xuống gần mức thấp nhất trong vòng 2 năm qua, nhiều diện tích cây cao su đã và đang bị chặt bỏ do không hiệu quả làm cho người nông dân gặp rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng không nhỏ tới khả năng tái đầu tư cho vụ mới. Việc thu hồi công nợ và tình hình tài chính của các đơn vị kinh doanh phân bón cũng rất khó khăn.
- Thị trường phân bón năm 2015 nhiều biến động với nhu cầu giảm khoảng trên 20%, trong khi đó nguồn cung lại không ngừng tăng. Đặc biệt là những tháng cuối năm, lượng phân bón nói chung và phân urê đã được nhập về khu vực với khối lượng tăng đột biến, tình trạng cạnh tranh gay gắt và giá hầu hết các mặt hàng phân bón đều giảm trước khi bước vào vụ Đông Xuân 2015 – 2016.

Chỉ tiêu sản lượng:

Tổng sản lượng tiêu thụ: 335.513 tấn, đạt 114% KH năm, tăng 2% so với năm 2014, trong đó:

- Ure Phú Mỹ: 218.732 tấn, đạt 112% KH năm, giảm 5% so với năm 2014;
- PB tự doanh Phú Mỹ: 68.418 tấn, đạt 124% KH năm, tăng 61% so với năm 2014.
- PB tự doanh khác: 46.717 tấn, đạt 104% KH năm, giảm 16% so với năm 2014;
- Hóa chất: 1.645 tấn, tăng 60% so với năm 2014.

Chỉ tiêu tài chính:

- Doanh thu đạt 2.457 tỷ đồng, đạt 112% KH năm, tăng 4% so với năm 2014.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 35,90 tỷ đồng, đạt 184% KH năm, giảm 31% so với năm 2014.
- Nộp NSNN đạt 10,12 tỷ đồng đạt 139% KH năm, giảm 45% so với năm 2014;
- Năm 2015, quyền lợi của các cổ đông được đảm bảo với tỷ lệ chia cổ tức theo dự kiến 15%/năm.

Bên cạnh việc cung cấp sản phẩm Đạm Phú Mỹ ổn định, Công ty tiếp tục phát triển đa dạng hoá các sản phẩm phân bón chất lượng cao mang thương hiệu Phú Mỹ như: NPK, Kali, SA để đáp ứng nhu cầu của bà con, góp phần cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững và không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2014	KH 2015	TH 2015	TH 2015/ KH 2015	TH 2015/ TH 2014
A	Sản lượng kinh doanh	Tấn	329.742	295.000	335.512,8	114	102
1	Ure Phú Mỹ	Tấn	230.803	195.000	218.732,0	112	95
2	Phân bón Phú Mỹ khác	Tấn	42.552	55.000	68.418	124	161
3	Phân bón tự doanh	Tấn	55.357	45.000	46.717	104	84
4	Hóa chất	Tấn	1.029	-	1.646	-	160
B	Các chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng Tài sản	Tỷ đồng	267,37	235,00	264,61	111	99
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	152,70	145,00	163,18	112	107
3	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.351,93	2.185,88	2.457,12	112	104
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52,21	19,47	35,90	184	69
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	40,20	15,18	27,96	184	69
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	19,36	7,60	10,12	133	52
7	Nợ phải trả	Tỷ đồng	114,67	90,00	101,43	113	88
C	Chỉ tiêu đầu tư						
1	Giá trị thực hiện	Tỷ đồng	2,36	1,14	1,23	108	52
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	2,36	1,14	1,23	108	52
D	Các chỉ tiêu khác						
1	Số lao động cuối kỳ	Người	57	58	58	98	100
2	Thu nhập bình quân	Trđ/người/ tháng	23,26	21,00	21,95	105	94
3	Năng suất lao động	Trđ/người/ tháng	3.438,5	3.036,0	3.592,3	118	104
4	Thực hiện đào tạo	Lượt người	326	262	297	113	91
5	Kinh phí đào tạo	Tỷ đồng	0,400	0,400	0,389	97	97

II. Tổ chức và nhân sự

1. Danh sách Ban điều hành:

Ông Trần Mạnh Hùng

Chức vụ:

Năm sinh:

Trình độ chuyên môn:

Chủ tịch HĐQT

1971

Thạc sỹ Quản trị

Ông Cao Trung Kiên

Chức vụ:

Năm sinh:

Trình độ chuyên môn:

Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

1976

Cử nhân Kinh tế

Ông Mai Minh Phương

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Năm sinh: 1979
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Mai Thanh Hải

Chức vụ: Phó Giám đốc
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Lê Thanh Viên

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Nguyễn Hữu Luận

Chức vụ: Ủy viên HĐQT
Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông nghiệp

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Phạm Thành Long

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Hoàng Trung Dũng

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1964
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

2. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Tính đến thời điểm 31/12/2015: tổng số lao động của Công ty là 58 người (trong đó lao động nữ là 17 người). 100% lao động được ký HĐLĐ theo đúng quy định của Bộ luật lao động, trong đó: 42 HĐLĐ không xác định thời hạn; 15 HĐLĐ có thời hạn từ 12-36 tháng; 01 HĐLĐ thời vụ.
- Trong năm 2015, Công ty đã xây dựng, sửa đổi các nội quy, quy chế liên quan trực tiếp đến người lao động theo đúng Bộ Luật lao động, đảm bảo tính dân chủ và phù hợp với tình hình kinh doanh, mô hình quản lý của Công ty cổ phần niêm yết. Các quy chế, chính sách được xây dựng và sửa đổi: Quy chế văn thư; Quy chế Quản trị Công ty; Quy chế quản lý, sử dụng trang thiết bị, tài sản; Quy chế về chế độ công tác phí, phương tiện đi lại và chi phí hành chính khác.
- Các chính sách đang thực hiện đã thể hiện sự quan tâm cao của Công ty đến lợi ích chính đáng của NLĐ nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Năm 2015, Công ty không đầu tư và thực hiện dự án nào.

IV. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài chính:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/giảm
Tổng tài sản	264,61	267,37	-1%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	2.452,14	2.348,01	4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34,39	51,85	-34%
Lợi nhuận khác	1,51	0,36	322%
Lợi nhuận trước thuế	35,90	52,21	-31%
Lợi nhuận sau thuế	27,96	40,20	-30%
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	12	20	-40%

Với mục tiêu chính năm 2015 là giữ vững thị trường, thị phần nên chỉ tiêu doanh thu thuần tăng 4%, còn các chỉ tiêu tài chính khác đều giảm so với cùng kỳ năm 2014 khoảng trên 30%. Mặc dù các chỉ số tài chính cơ bản đều giảm so với cùng kỳ năm 2014, nhưng đều vượt kế hoạch đề ra tại ĐHCĐ năm 2015 đã được thông qua.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Cơ cấu vốn:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	78,32%	76,67%	2%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	21,68%	23,33%	-7%
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	38,33%	42,89%	-11%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	61,67%	57,11%	8%

Nguồn vốn lưu động tự có năm 2015 của Công ty luôn giữ ở mức cao như tài sản ngắn hạn chiếm 78,32% trong tổng tài sản, vốn chủ sở hữu chiếm 61,67% trong tổng nguồn vốn. Mặc dù tổng tài sản, tổng nguồn vốn năm 2015 giảm đi 1% so với cùng kỳ năm 2014, nhưng tài sản ngắn hạn, vốn chủ sở hữu đều tăng lên là 2% và 8%; Điều này cho thấy sự dịch chuyển trong cơ cấu vốn của Công ty theo hướng có lợi, đảm bảo an toàn, kịp thời nguồn vốn khi xoay vòng, tái đầu tư vào hoạt động kinh doanh.

- Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/giảm
Khả năng thanh toán hiện hành = Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	2,04	1,79	14%
Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản lưu động – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,41	1,05	35%

Với sự dịch chuyển trong cơ cấu nguồn vốn năm 2015 đã kéo khoản nợ phải trả giảm xuống 11% so với năm 2014. Đồng thời tạo nên cán cân thanh toán trên nợ phải trả luôn lớn hơn 1 đơn vị và tăng so với cùng kỳ năm 2014 là 14% và 35%. Điều này cho thấy được khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo, thực hiện tốt nghĩa vụ công nợ đối với các nhà cung ứng.

- Năng lực hoạt động năm 2015:

Chỉ tiêu	Số vòng/ năm 2015	Số vòng/ năm 2014	Tăng/giảm	Số ngày/vòng (năm 2015)
Vòng quay hàng tồn kho	32	28	12%	11
Vòng quay khoản phải thu	72	91	-21%	5

Vòng quay hàng tồn kho năm 2015 là 32 vòng/năm, nghĩa là chu kỳ lưu kho hàng hóa 11 ngày thì được đưa vào thị trường tiêu thụ, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2014. Đồng thời, vòng quay các khoản phải thu là 72 vòng/năm, đồng nghĩa với việc đưa hàng hóa vào thị trường tiêu thụ thì sau 5 ngày luồng tiền sẽ được thu về. Qua đó, cho thấy khả năng quản lý, sử dụng nguồn vốn trong hoạt động điều phối hàng tồn kho, quản lý công nợ phải thu có hiệu quả.

- Khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/giảm
Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	15,53	16,09	-4%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	9,22	9,87	-7%
Lợi nhuận ròng/Doanh thu thuần	1,14%	1,71%	-33%
Lợi nhuận ròng/Vốn CSH bình quân (ROE)	17,70%	27,55%	-36%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản bình quân (ROA)	10,51%	16,90%	-38%

Năm 2015, các chỉ tiêu sinh lời đều giảm so với cùng kỳ năm 2014 khoảng trên 33%, nhưng đều đạt kế hoạch đề ra tại ĐHCĐ đã được thông qua. Qua đó, cho thấy thị trường phân bón tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên nói chung không còn thuận lợi, nhu cầu sử dụng giảm và mức độ cạnh tranh rất khốc liệt.

Nhìn chung, tình hình tài chính năm 2015 của Công ty vẫn còn lợi thế, đảm bảo nguồn vốn được an toàn, duy trì ổn định để phục vụ kịp thời cho quá trình hoạt động kinh doanh, trước sự biến đổi ngày càng phức tạp của thị trường phân bón, tình hình tài chính tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần:

Công ty hiện đang lưu hành 10.000.000 cổ phần phổ thông. Trong đó có 1.555.000 cổ phần là cổ phần chuyển nhượng tự do và 8.445.000 cổ phần là cổ phần hạn chế chuyển nhượng (tính đến 31/12/2015).

2. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến 07/12/2015, Công ty có 111 cổ đông, trong đó có 02 cổ đông lớn là PVFCCo chiếm 75% và Ông Nguyễn Hữu Luận chiếm 5,5%, còn lại là các cổ đông nhỏ lẻ (theo danh sách do VSD cung cấp tại Công văn số 13672/VSD-ĐK ngày 10/12/2015).

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2015, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

1. Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, nước:

Với mô hình là công ty chuyên kinh doanh và phân phối, không trực tiếp sản xuất nên không có rác thải công nghiệp và không sử dụng nhiều năng lượng, nước.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phổ biến, triển khai đến các đơn vị đảm bảo các quy định của pháp luật được áp dụng phù hợp; Đồng thời, định kỳ tổ chức rà soát, cập nhật các quy trình/quy định về ATSKMT - CL để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế phát sinh.
- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động công tác môi trường, thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, hàng hóa, giữ môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn tài nguyên, chi phí của Công ty.
- Thực hiện đo kiểm mức độ ô nhiễm tại các kho định kỳ 6 tháng/lần, đảm bảo môi trường làm việc cho CBNV và có chế độ bồi dưỡng phù hợp.
- Định kỳ thực hiện kiểm tra, giám sát công tác an toàn trong quá trình kinh doanh, giao nhận hàng hóa, đảm bảo tuân thủ các quy định, ngăn ngừa và giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn, các vi phạm môi trường.
- Công tác quản lý chất thải được tuân thủ đúng và đầy đủ theo yêu cầu của pháp luật: bố trí kho chứa chất thải nguy hại, thùng chứa rác thải nguy hại theo đúng yêu cầu. Chất thải rắn, chất thải nguy hại phải được đăng ký, phân loại, thu gom và lưu trữ tạm thời để xử lý.
- Duy trì, tăng cường công tác vệ sinh, trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp ở Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

3. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổ chức khám sức khỏe cho CBNV nhằm phát hiện bệnh nghề nghiệp hoặc các loại bệnh khác để có biện pháp chữa trị, thông báo, kiểm tra chuyên sâu kịp thời cho CBNV.
- Theo dõi và thực hiện giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể đảm bảo không xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm cho CBNV.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên và CBNV làm việc thường xuyên tại các kho, cảng.

4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Triển khai thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội tại khu vực Công ty quản lý như chương trình tết vì người nghèo, cứu trợ bão lũ, hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam, học bổng cho học sinh nghèo vượt khó.
- Tổ chức gây dựng và đóng góp Quỹ tương thân tương ái của Công ty nhằm chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.
- Thường xuyên tổ chức thăm hỏi và tặng quà các gia đình chính sách, các trung tâm bảo trợ xã hội...
- Nhận phụng dưỡng 05 Mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn Công ty quản lý với mức phụng dưỡng là 1 triệu đồng/mẹ/tháng cùng với suất quà trị giá 300 nghìn đồng. Đồng thời tổ chức thăm khám sức khỏe cho các Mẹ định kỳ 3 tháng/lần.

PHẦN III
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

Trong bối cảnh thị trường phân bón năm 2015 cạnh tranh ngày càng khốc liệt, khó dự báo và thời tiết diễn biến khắc nghiệt, bất thường. Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Nhìn chung, các chỉ tiêu của Công ty trong năm 2015 đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.

II. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2015	31/12/2014	Tăng, giảm	Tăng/giảm
A	B	C	[1]	[2]	[3]=[1]-[2]	[4]=[3]/[2]
1.	Tổng tài sản	Tỷ đồng	264,61	267,37	-2,76	-1%
2.	Các khoản phải thu ngắn hạn. Trong đó:	”	25,78	41,97	-16,20	-39%
2.1	Phải thu của khách hàng	”	14,03	27,42	-13,39	-49%
2.2	Trả trước cho người bán	”	6,86	13,89	-7,03	-51%
2.3	Các khoản phải thu khác	”	4,89	0,66	4,23	638%

Tính đến ngày 31/12/2015:

- Tổng tài sản của Công ty là 264,61 tỷ đồng, giảm 1% so với cùng kỳ năm 2014.
- Các khoản phải thu ngắn hạn là 25,78 tỷ đồng, giảm 39% so với cùng kỳ năm 2014. (Trong đó: Chủ yếu là các khoản phải thu tiền hàng của Công ty Minh Tân là 4,92 tỷ đồng; Công ty Lạc – Hóa dầu Bình Sơn là 3,26 tỷ đồng; Công ty Nam Du Gia Lai là 1,88 tỷ đồng và phải thu phí dịch vụ của Tổng Cty Phân bón và Hóa chất Dầu khí là 3,93 tỷ đồng. Khoản ứng trước tiền hàng Ure Phú Mỹ cho Tổng Cty Phân bón và Hóa chất Dầu khí là 6,78 tỷ đồng. Khoản phải thu khác là khoản thuế GTGT được hoàn 3,39 tỷ đồng).
- Công ty không có các khoản phải thu dài hạn và không có nợ xấu xảy ra.

Hiệu suất sử dụng tài sản:

$$\text{Vòng quay tổng tài sản} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} = \frac{2.452,14 \text{ tỷ đồng}}{265,99 \text{ tỷ đồng}} = 9 \text{ vòng}$$

$$\text{Vòng quay tài sản cố định} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tài sản cố định bình quân}} = \frac{2.452,14 \text{ tỷ đồng}}{53,45 \text{ tỷ đồng}} = 46 \text{ vòng}$$

Các chỉ số trên cho thấy hiệu suất sử dụng tổng tài sản và tài sản cố định của Công ty có hiệu quả, với 1 đồng của tổng tài sản, tài sản cố định đầu tư vào hoạt động kinh doanh thì sinh ra từ 9 đến 46 đồng doanh thu trong một năm.

2. Tình hình nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2015	31/12/2014	Tăng, giảm	Tăng/giảm
A	B	C	[1]	[2]	[3]=[1]-[2]	[4]=[3]/[2]
1.	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	264,61	267,37	-2,76	-1%
2.	Các khoản nợ phải trả ngắn hạn. Trong đó:	”	101,43	114,67	-13,24	-12%
2.1	Khoản vay ngắn hạn	”	-	52,50	-52,50	-100%
2.2	Phải trả cho người bán	”	77,05	27,56	49,49	180%
2.3	Người mua trả tiền trước	”	2,87	9,13	-6,26	-69%
2.4	Các khoản phải trả khác	”	21,51	25,48	-3,98	-16%

Tính đến ngày 31/12/2015:

- Các khoản nợ phải trả ngắn hạn là 101,43 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ năm 2014. (Trong đó: Chủ yếu là các khoản phải trả tiền hàng cho Chi nhánh Tổng Cty Phân bón và Hóa chất Dầu khí là 72,87 tỷ đồng; Công ty Ngô Gia Phát là 1,56 tỷ đồng. Khoản phải trả khác là Cổ tức 6 tỷ đồng, trích lập các quỹ là 10 tỷ đồng, thuế các loại phải nộp cho Nhà nước là 4,42 tỷ đồng).
- Công ty không có các khoản nợ phải trả dài hạn và không có nợ xấu xảy ra.

Các chỉ số nợ phải trả:

$$\text{Hệ số nợ trên Tổng tài sản} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{101,43 \text{ tỷ đồng}}{264,61 \text{ tỷ đồng}} = 38,33\%$$

$$\text{Hệ số nợ trên Vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{101,43 \text{ tỷ đồng}}{163,18 \text{ tỷ đồng}} = 62,16\%$$

Các chỉ số trên cho thấy tỷ lệ nợ phải trả chiếm 38,33% trong tổng tài sản và tỷ lệ so với vốn chủ sở hữu là 62,16%. Điều này cho thấy cơ cấu nợ phải trả ở mức tương đối, công nợ phải trả luôn được đảm bảo thực hiện đúng quy định và nguồn vốn sử dụng vào hoạt động kinh doanh chủ yếu là nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn tự có của Công ty.

III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thực hiện tái cấu trúc toàn diện về tổ chức, bộ máy quản lý, cơ cấu vốn, nhân lực. Đồng thời, Công ty đã thực hiện việc niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn GDCK Hà Nội vào ngày 23/7/2015.
- Tổ chức và vận dụng có hiệu quả các buổi hội thảo, đào tạo nội bộ để CBNV có điều kiện phát huy tính sáng tạo, đổi mới trong mỗi chuyên đề/hoạt động; Kịp thời khen thưởng, động viên cho những ý tưởng có tính khả thi cao.
- Vận dụng có hiệu quả dự án KPIs và dự án cải tiến chính sách tiền lương, khung năng lực, từ điển năng lực trong quá trình tuyển dụng, đào tạo, đánh giá cán bộ.

- Xây dựng và dần hoàn thiện các chính sách hỗ trợ bán hàng để kích thích các cửa hàng cấp 2 tiêu thụ các sản phẩm phân bón Phú Mỹ; Nghiên cứu và hoàn thiện bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ phù hợp với nhu cầu, thị trường và từng loại cây trồng chủ lực; Đa dạng hóa các chương trình xúc tiến thương mại.
- Áp dụng và triển khai có hiệu quả hệ thống phần mềm tích điểm nhằm tạo động lực tiêu thụ trong toàn hệ thống.

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Hiện nay, ngành nông nghiệp đã và đang được Nhà nước hết sức quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, việc sản xuất nông nghiệp trong năm 2015 còn gặp nhiều khó khăn do chịu tác động bởi tình hình biến đổi khí hậu đang diễn biến phức tạp theo chiều hướng bất lợi. Thị trường phân bón sẽ cạnh tranh gay gắt hơn trong bối cảnh dự báo nhu cầu sử dụng giảm do tác động của yếu tố thời tiết trong khi nguồn cung tiếp tục tăng.

Để vượt qua thách thức và tiếp tục phát triển, Công ty phải tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2016, đồng thời bám sát Chiến lược phát triển của Công ty để thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo. Công ty xác định và đặt ra một số giải pháp kế hoạch để phát triển như sau:

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch, dự báo sát với thực tế và bám sát kế hoạch để thực hiện.
- Tiếp tục cải tiến, điều chỉnh các chính sách bán hàng phù hợp, linh hoạt với tình hình mới, nhằm kích thích hệ thống Đại lý/Cửa hàng trong việc tiêu thụ các sản phẩm thương hiệu Phú Mỹ.
- Sàng lọc và phát triển hệ thống phân phối, làm tốt công tác phân vùng thị trường, hạn chế sự chồng chéo trong hệ thống phân phối. Mục tiêu tăng độ bao phủ của sản phẩm tại những thị trường trọng điểm.
- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu khách hàng, nâng cấp phần mềm tích điểm, nâng cao công tác đánh giá năng lực, mức độ hợp tác của khách hàng, hỗ trợ công tác lựa chọn, phát triển hệ thống phân phối.
- Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ phù hợp với yêu cầu, thị trường và từng loại cây trồng chủ lực tại khu vực; Ưu tiên phát triển những dòng sản phẩm NPK chuyên dụng có chất lượng nhằm gia tăng sản lượng thị phần cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh cho hệ thống.
- Tiếp tục rà soát chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các đơn vị, hoàn thiện bảng mô tả chức danh công việc để tiêu chuẩn hóa các yêu cầu chuyên môn, kỹ năng đối với từng vị trí chức danh công việc, đảm bảo tối ưu hóa nguồn nhân lực hiện có.
- Xây dựng và triển khai hệ thống từ điển năng lực, khung năng lực và chính sách lương 3P. Tiếp tục rà soát và chuẩn hóa hệ thống đo lường, chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) nhằm đảm bảo công bằng và tạo động lực phát triển.
- Tăng cường công tác quản lý và sử dụng vốn, xây dựng và kiểm soát chặt chẽ định mức hàng tồn kho, công nợ phải thu, phải trả. Tăng cường các biện pháp kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính.
- Cơ cấu lại các nguồn vốn cho phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, hiệu quả.
- Tăng cường công tác phân tích, đánh giá hiệu quả các phương án kinh doanh.

- Rà soát, xây dựng và sửa đổi bổ sung các định mức phí, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu phù hợp với thực tế để làm căn cứ quản lý, kiểm tra, kiểm soát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Phát huy tính sáng tạo, chuyên nghiệp trong mọi hoạt động.
- Kết hợp công tác ASXH với công tác truyền thông nhằm khẳng định và quảng bá các hoạt động cũng như thương hiệu “Phân bón Phú Mỹ”.
- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, triển khai áp dụng mô hình 5S trong toàn Công ty.
- Đẩy mạnh công tác sáng kiến cải tiến hợp lý hoá quản lý kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ. Tham gia tích cực công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.
- Phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Đảm bảo hài hòa lợi ích các cổ đông.

V. Giải trình ý kiến của kiểm toán (nếu có)

VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm về môi trường theo quy định. Định kỳ thực hiện các báo cáo về công tác an toàn – sức khỏe – môi trường cho Công ty mẹ và các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.
- Công tác an sinh xã hội cũng được Công ty quan tâm, chú trọng nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng tại địa phương.

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2015, tình hình khí hậu, thời tiết thay đổi thất thường gây bất lợi cho sản xuất nông nghiệp và cây công nghiệp; năng suất của nhiều loại cây trồng giảm trong khi giá các nông sản cũng giảm (phá vỡ quy luật được mùa, mất giá và được giá thì mất mùa); Tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng vẫn xâm nhập vào thị trường gây khó khăn cho các đơn vị sản xuất kinh doanh phân bón tại khu vực; Nguồn hàng của các đối thủ (cả hàng nội địa và hàng nhập khẩu) liên tục được đưa về khu vực; Số lượng hàng tồn kho tăng cao, mức độ cạnh tranh gay gắt. Tuy vậy, HĐQT nhận thấy Ban Điều hành đã hết sức nỗ lực cố gắng, lãnh đạo, chỉ đạo và cùng với CBNV Công ty thực hiện tốt các nhiệm vụ kế hoạch được giao.

Ban Điều hành đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của năm, tăng cường công tác phối hợp với các Đại lý và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015. Đồng thời giữ vững thị phần Ure Phú Mỹ tại khu vực và dần củng cố, hoàn thiện mạng lưới phân phối, xây dựng thành công thương hiệu phân bón Phú Mỹ và được người tiêu dùng, bà con nông dân tại khu vực yêu thích, tin dùng. Chú trọng phát triển, quan tâm, chăm sóc cửa hàng cấp 2,3 tạo kênh phân phối xuyên suốt từ Công ty đến bà con nông dân.

Công ty thường xuyên rà soát, xây dựng phương án bố trí sắp xếp nhân sự, cơ cấu lại tỷ lệ lao động trực tiếp/gián tiếp hợp lý. Đội ngũ CBNV được đào tạo, rèn luyện ngày càng tinh nhuệ, đáp ứng yêu cầu kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty. Việc triển khai và áp dụng Quy định về thiết lập và đánh giá chỉ số hoàn thành công việc KPIs đã phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy tinh thần làm việc hăng say, chủ động sáng tạo, tích cực tìm kiếm giải pháp để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Việc triển khai áp dụng hệ thống phần mềm tích điểm cũng đã dần phát huy hiệu quả, tạo động lực tiêu thụ trong toàn hệ thống. Công tác tiếp thị truyền thông, an sinh xã hội, chăm sóc khách hàng, cá hội thảo bán hàng trực tiếp, hội nghị tập huấn về nông nghiệp... cũng được triển khai tốt và mang lại hiệu quả thiết thực.

Công tác quản lý và sử dụng vốn, đặc biệt là công tác quản lý công nợ được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn về tài chính. Đồng thời, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nêu cao tinh thần tự giác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của CBNV, và tiết giảm tối đa các chi phí trong mọi mặt hoạt động.

Ngoài ra, công tác an toàn luôn được Công ty quan tâm duy trì và đặt lên hàng đầu. Kết quả trong năm 2015, Công ty không để xảy ra sự cố nào làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh. Công tác an ninh, phòng chống cháy nổ luôn được chú trọng.

Năm 2015, được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT cùng với Ban Điều hành đã tổ chức triển khai công tác niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán đúng lộ trình và hoàn thành vượt tiến độ đề ra. Kết quả ngày 02/7/2015, Công ty đã được SGDCK Hà Nội ra quyết định chấp thuận niêm yết và ngày 23/7/2015, Công ty đã chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên với mã cổ phiếu là PCE.

Hội đồng quản trị cùng với Ban Điều hành Công ty đã đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh tại từng thời điểm và có chỉ đạo cụ thể thông qua các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản trị định kỳ, trong quá trình triển khai công việc Ban Điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật. Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 đã thông qua.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành. Kết thúc năm 2015, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nhằm thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch năm 2016, HĐQT xác định nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành Công ty, tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị với những nội dung, chương trình hoạt động như sau:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2016 do ĐHĐCĐ thông qua.
- Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ; công tác phòng ngừa rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty.
- Giữ vững và thúc đẩy các hoạt động kinh doanh trong điều kiện thị trường cạnh tranh gay gắt. Bảo vệ và phát triển uy tín, thương hiệu Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, kinh doanh đa dạng hóa sản phẩm.
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác khi ĐHĐCĐ giao.
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016.
- Giám sát Ban Điều hành thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ giao cho trong năm 2016.

Trên đây là những phân tích đánh giá cơ bản công tác điều hành trong năm 2015 và những định hướng kế hoạch công tác mới trong năm 2016 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.

PHẦN V QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên (nhiệm kỳ 2011-2015), trong đó có 1 Chủ tịch chuyên trách, 1 thành viên kiêm Giám đốc, 1 thành viên kiêm Phó Giám đốc, 1 thành viên kiêm Kế toán trưởng, và 1 thành viên không điều hành.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	4.000.000	0	4.000.000
2	Cao Trung Kiên	UV.HĐQT, GĐ	2.500.000	30.000	2.530.000
3	Mai Minh Phương	UV.HĐQT, PGĐ	1.000.000	40.000	1.040.000
4	Lê Thanh Viên	UV.HĐQT, KTT	0	20.000	20.000
5	Nguyễn Hữu Luận	UV.HĐQT	0	550.000	550.000

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2015, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT. Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban điều hành. Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến các thành viên thông qua hình thức phiếu xin ý kiến để ban hành các nghị quyết, quyết định, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Ban hành kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2015.
- Giao kế hoạch kinh doanh năm 2015, thông qua việc điều chỉnh kế hoạch chi phí năm 2015 của Công ty.
- Ban hành, cập nhật, sửa đổi các quy chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Quyết định chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015: 6% mệnh giá cổ phiếu.
- Chỉ đạo công tác tái cấu trúc, niêm yết cổ phiếu, tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực.
- Chỉ đạo cập nhật, triển khai Chiến lược phát triển Công ty.

- Thực hiện các hoạt động giám sát, chỉ đạo khác cho Ban điều hành trong tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm 2016.

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách và 04 thành viên kiêm nhiệm đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các quy chế, chế độ báo cáo, các cuộc họp với Ban điều hành có sự tham dự của HĐQT.

3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và các tiểu ban trong HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho từng thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công

4. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

- Trần Mạnh Hùng, Chủ tịch HĐQT
- Cao Trung Kiên, UV.HĐQT, Giám đốc Công ty
- Mai Minh Phương, UV.HĐQT, Phó Giám đốc Công ty
- Lê Thanh Viên, UV.HĐQT, Kế toán trưởng Công ty

II. Ban Kiểm soát

1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng ban	0	5.000	5.000
2	Phạm Thành Long	Thành viên	0	0	0
3	Hoàng Trung Dũng	Thành viên	0	0	0

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2015, Ban Kiểm soát Công ty đã tổ chức họp 04 lần để thống nhất thông qua các hoạt động kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát với các nội dung chủ yếu:

- Giám sát việc chấp hành nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015 và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính và đầu tư của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2015.
- Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty trong quá trình ra quyết định và điều hành hoạt động kinh doanh.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế/quy định quản lý hiện hành.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT, họp giao ban công ty cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo công tác quản lý hàng tháng.
- Kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng của Tổng Công ty thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty:

Thực hiện kế hoạch năm 2015 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Biên bản Đại hội đồng cổ đông ngày 10/4/2015, kết quả đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2015	TH 2015	TH/KH
Sản lượng kinh doanh	Tấn	295.000	335.513	114
Ure Phú Mỹ	Tấn	195.000	218.732	112
Phân bón Phú Mỹ khác	Tấn	55.000	68.418	124
Phân bón tự doanh	Tấn	45.000	46.717	104
Hóa chất (chi tiết)	Tấn	-	1.646	-
Các chỉ tiêu tài chính				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.185,88	2.457,12	112
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	19,47	35,90	184
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,18	27,96	184
Nộp NSNN	Tỷ đồng	7,60	10,12	133

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã có quyết định tạm chi cổ tức đợt 1 năm 2015 là 6%/mệnh giá tương đương 600 đồng/cổ phần (Nghị quyết số 541/NQ-CMT ngày 20/11/2015).

4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao, bảo toàn và sử dụng hiệu quả vốn của chủ sở hữu, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, các chỉ tiêu tài chính vượt kế hoạch, đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm.

Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết nghị của HĐQT. Việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp và quy định của pháp luật phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Ban Kiểm soát nhận thấy báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Giám đốc Công ty đã phản ánh đầy đủ và trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty. Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc bám sát nghị quyết và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, mang lại lợi ích cho cổ đông. Quá trình ra quyết định, của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty, quy định pháp luật và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.

5. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016:

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2016 và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc triển khai, quản lý, tổ chức điều hành hoạt động SXKD, quản lý tài chính và đầu tư của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính, các báo cáo quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Giám đốc.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế/quy định quản lý hiện hành.
- Giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo quy định.

III. Báo cáo tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên của Công ty.

Đối với các thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

Tiền thưởng và phúc lợi: các thành viên HĐQT, thành viên ban Kiểm soát, ban điều hành hưởng các khoản tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ khen thưởng – phúc lợi chung của toàn Công ty dành cho người lao động.

1. Chi tiết tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

ĐVT: nghìn đồng

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, + Thù lao	Tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ KT-PL	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng
I.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		2,593,662	1,394,981	143,413	4,132,056
1	Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	675,234	376,149	25,837	1,077,221
2	Cao Trung Kiên	UV HĐQT kiêm Giám đốc	690,974	379,949	40,310	1,111,234
3	Mai Minh Phương	UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc	617,542	292,171	43,108	952,821
4	Lê Thanh Viên	UV HĐQT kiêm Kế toán trưởng	561,912	272,422	34,157	868,491
5	Nguyễn Hữu Luận	UV HĐQT không chuyên trách	48,000	74,289	0	122,289
II.	BAN GIÁM ĐỐC		485,060	254,028	37,682	776,770
1	Mai Thanh Hải	Phó Giám đốc	485,060	254,028	37,682	776,770
III.	BAN KIỂM SOÁT		102,000	136,197	18,636	256,833
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	42,000	61,908	18,636	122,544
2	Phạm Thành Long	Thành viên Ban kiểm soát	30,000	37,145		67,145
3	Hoàng Trung Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	30,000	37,145		67,145
TỔNG CỘNG			3,180,722	1,785,205	199,731	5,165,659

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2015, các cổ đông nội bộ của Công ty không thực hiện giao dịch.

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

HĐQT đã áp dụng và thực hiện các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và đạt các chỉ tiêu kế hoạch.

PHẦN VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2016, từ trang 3 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		207,235,997,002	204,980,520,563
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	107,126,128,345	74,574,624,839
1. Tiền	111		17,126,128,345	12,574,624,839
2. Các khoản tương đương tiền	112		90,000,000,000	62,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10,000,000,000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,000,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25,777,482,051	41,974,034,013
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14,027,029,948	27,417,740,902
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6,860,161,950	13,893,441,352
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4,890,290,153	662,851,759
IV. Hàng tồn kho	140	10	64,023,816,797	84,797,212,675
1. Hàng tồn kho	141		68,401,778,525	85,078,588,612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4,377,961,728)	(281,375,937)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		308,569,809	3,634,649,036
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	308,569,809	68,458,592
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3,566,190,444
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57,373,382,811	62,385,822,540
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		121,560,000	3,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	216		121,560,000	3,000,000
II. Tài sản cố định	220		50,727,990,754	56,176,778,917
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	29,040,433,768	34,464,746,462
- Nguyên giá	222		69,531,840,470	68,496,242,470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40,491,406,702)	(34,031,496,008)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	21,687,556,986	21,712,032,455
- Nguyên giá	228		22,137,641,250	22,022,177,889
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(450,084,264)	(310,145,434)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		519,402,000	31,000,000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		519,402,000	31,000,000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		6,004,430,057	6,175,043,623
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	5,977,871,793	6,175,043,623
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		26,558,264	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		264,609,379,813	267,366,343,103

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		101,426,033,058	114,670,045,266
I. Nợ ngắn hạn	310		101,426,033,058	114,670,045,266
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	77,052,277,017	27,562,096,890
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	2,866,646,260	9,125,566,327
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4,419,166,972	3,756,010,782
4. Phải trả người lao động	314		3,563,408,102	3,211,564,162
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		120,719,383	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6,972,316,840	10,492,202,737
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	52,500,000,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,431,498,484	8,022,604,368
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		163,183,346,755	152,696,297,837
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	163,183,346,755	152,696,297,837
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	100,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100,000,000,000	100,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		23,626,337,308	22,228,444,713
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39,557,009,447	30,467,853,124
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		30,467,853,124	22,573,129,237
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9,089,156,323	7,894,723,887
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		264,609,379,813	267,366,343,103

Phan Thị Tuyết Minh
Người lập biểu

Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng

Cao Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	2,479,641,428,655	2,380,430,359,367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	27,505,234,904	32,418,010,865
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	2,452,136,193,751	2,348,012,348,502
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	2,369,227,210,204	2,252,615,911,305
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		82,908,983,547	95,396,437,197
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,427,444,857	3,290,331,997
7. Chi phí tài chính	22		224,347,222	253,876,379
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		224,347,222	253,875,000
8. Chi phí bán hàng	25	23	29,366,977,789	24,120,316,030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	22,352,989,728	22,458,003,743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		34,392,113,665	51,854,573,042
11. Thu nhập khác	31	24	1,554,773,114	622,330,089
12. Chi phí khác	32	24	47,834,565	265,110,289
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	1,506,938,549	357,219,800
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		35,899,052,214	52,211,792,842
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	7,967,758,588	12,013,332,720
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		(26,558,264)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		27,957,851,890	40,198,460,122
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2,249	3,358

Phan Thị Tuyết Minh
Người lập biểu

Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng

Cao Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35,899,052,214	52,211,792,842
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6,599,849,524	7,046,524,279
Các khoản dự phòng	03	4,096,585,791	(118,624,063)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	1,379
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3,427,444,857)	(3,290,331,997)
Chi phí lãi vay	06	224,347,222	253,875,000
Tài sản tăng do khuyến mại mua hàng	07	(821,128,000)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	42,571,261,894	56,103,237,440
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	19,638,140,739	(33,861,482,583)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	16,676,810,087	(10,769,692,409)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	44,271,677,069	13,256,553,694
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(42,939,387)	182,010,238
Tiền lãi vay đã trả	14	(256,972,222)	(221,250,000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7,842,838,981)	(10,378,820,700)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	370,371,700	9,000,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7,432,280,556)	(7,684,736,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	107,953,230,343	6,634,819,680
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(329,933,361)	(1,567,181,818)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10,000,000,000)	-
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,433,486,524	3,342,776,442
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6,896,446,837)	1,775,594,624
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	52,500,000,000
2. Tiền trả nợ gốc vay	35	(52,500,000,000)	(21,000,000,000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16,005,280,000)	(20,012,950,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(68,505,280,000)	11,487,050,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	32,551,503,506	19,897,464,304
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	74,574,624,839	54,677,161,914
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1,379)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	107,126,128,345	74,574,624,839

Phan Thị Tuyết Minh
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng

Cao Trung Kiên
Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung – thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 3 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội vào ngày 23 tháng 7 năm 2015 với mã chứng khoán là PCE.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 58 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 58 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có hai (2) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc hoạt động tại Đắc Lắc và Quảng Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả, người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2015</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 25
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 – 6
Thiết bị văn phòng	3 – 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công ty thuê 20.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- © Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- © Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- © Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao

gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương

pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6,930,582	139,878,894
Tiền gửi ngân hàng	17,119,197,763	12,434,745,945
Các khoản tương đương tiền (*)	90,000,000,000	62,000,000,000
	<u>107,126,128,345</u>	<u>74,574,624,839</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,0% đến 5,0%/năm.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	10,000,000,000	10,000,000,000	-	-
Cộng	<u>10,000,000,000</u>	<u>10,000,000,000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Minh Tân	4,924,555,000	10,075,623,073
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3,932,676,259	6,372,455,127
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	3,261,323,890	44,000,000
Công ty TNHH MTV Thương mại Trung Hiếu	-	7,267,500,000
Công ty TNHH Vinh Hoàng	-	2,582,113,310
Các khách hàng khác	1,908,474,799	1,076,049,392
	<u>14,027,029,948</u>	<u>27,417,740,902</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<u>12,124,916,504</u>	<u>16,492,078,200</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6,775,338,200	13,804,521,352
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	84,823,750	-
Các nhà cung cấp khác	-	88,920,000
	<u>6,860,161,950</u>	<u>13,893,441,352</u>
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<u>6,860,161,950</u>	<u>13,804,521,352</u>

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Cục Thuế tỉnh Bình Định	3,392,111,904	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	872,416,000	-
Lãi tiền gửi dự thu	293,597,222	299,638,889
Chi hộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	170,000,000
Phải thu khác	332,165,027	193,212,870
	<u>4,890,290,153</u>	<u>662,851,759</u>
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<u>931,304,889</u>	<u>230,000,000</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	68,401,778,525	(4,377,961,728)	85,078,588,612	(281,375,937)
Cộng	<u>68,401,778,525</u>	<u>(4,377,961,728)</u>	<u>85,078,588,612</u>	<u>(281,375,937)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các mặt hàng có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền là 4.377.961.728 đồng; đồng thời, Công ty hoàn nhập dự phòng đã trích tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do đã tiêu thụ được toàn bộ số hàng tồn kho bị giảm giá tại ngày này.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	60,758,946,457	454,718,500	5,247,669,335	2,034,908,178	68,496,242,470
Mua sắm mới	-	-	-	176,110,000	176,110,000
Tăng khác	-	-	731,360,000	128,128,000	859,488,000
Tại ngày 31/12/2015	60,758,946,457	454,718,500	5,979,029,335	2,339,146,178	69,531,840,470
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	30,024,562,929	396,976,016	1,902,120,370	1,707,836,693	34,031,496,008
Trích khấu hao trong năm	5,688,377,747	57,742,484	883,357,276	242,765,391	6,872,242,898
Giảm khác	412,332,204	-	-	-	412,332,204
Tại ngày 31/12/2015	35,300,608,472	454,718,500	2,785,477,646	1,950,602,084	40,491,406,702
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	25,458,337,985	-	3,193,551,689	388,544,094	29,040,433,768
Tại ngày 31/12/2014	30,734,383,528	57,742,484	3,345,548,965	327,071,485	34,464,746,462

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.527.303.416 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.091.398.371 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	22,022,177,889	-	22,022,177,889
Mua sắm mới	-	115,463,361	115,463,361
Tại ngày 31/12/2015	22,022,177,889	115,463,361	22,137,641,250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	310,145,434	-	310,145,434
Trích khấu hao trong năm	113,780,608	26,158,222	139,938,830
Tại ngày 31/12/2015	423,926,042	26,158,222	450,084,264
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	21,598,251,847	89,305,139	21,687,556,986
Tại ngày 31/12/2014	21,712,032,455	-	21,712,032,455

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	308,569,809	68,458,592
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	177,387,158	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	131,182,651	68,458,592
b) Dài hạn	5,977,871,793	6,175,043,623
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5,487,464,285	5,640,247,513
Chi phí trả trước dài hạn khác	490,407,508	534,796,110
	6,286,441,602	6,243,502,215

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	72,874,189,017	24,512,226,211
Các nhà cung cấp khác	4,178,088,000	3,049,870,679
	<u>77,052,277,017</u>	<u>27,562,096,890</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<u>73,689,091,405</u>	<u>25,707,479,976</u>

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Minh Tân	669,063,411	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh	199,834,936	808,127,370
Công ty TNHH Hồng Nhung	-	2,079,668,743
Công ty TNHH Thương mại Kim Vũ Bích	2,453,003	2,637,699,203
Các khách hàng khác	1,995,294,910	3,600,071,011
	<u>2,866,646,260</u>	<u>9,125,566,327</u>
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<u>844,128,011</u>	<u>624,100,477</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	01/01/2015	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11,183,987	481,433,241	23,513,381	469,103,847
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,306,076,897	7,967,758,588	7,842,838,981	3,430,996,504
Tiền thuế đất	-	49,200,000	49,200,000	-
Các loại thuế khác	438,749,898	2,281,465,096	2,201,148,373	519,066,621
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	438,749,898	2,260,152,203	2,179,835,480	519,066,621
<i>Thuế khác</i>	-	21,312,893	21,312,893	-
Cộng	<u>3,756,010,782</u>	<u>10,779,856,925</u>	<u>10,116,700,735</u>	<u>4,419,166,972</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	855,000,000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	3,774,600	481,500
Quỹ thưởng an toàn (iii)	-	
Cổ tức phải trả	6,012,420,000	10,017,700,000
Lãi vay phải trả	-	32,625,000
Phải trả ngắn hạn khác	101,122,240	441,396,237
	6,972,316,840	10,492,202,737
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	5,355,000,000	8,290,000,000

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	100,000,000,000	9,064,298,037	7,134,377,658	22,922,237,050	139,120,912,745
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	40,198,460,122	40,198,460,122
Trích lập quỹ	-	4,019,846,012	2,009,923,006	(12,652,844,048)	(6,623,075,030)
Trả cổ tức	-	-	-	(20,000,000,000)	(20,000,000,000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	100,000,000,000	13,084,144,049	9,144,300,664	30,467,853,124	152,696,297,837
Tăng/(giảm) do áp dụng chính sách kế toán mới	-	9,144,300,664	(9,144,300,664)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	100,000,000,000	22,228,444,713	-	30,467,853,124	152,696,297,837
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	27,957,851,890	27,957,851,890
Trích lập quỹ (1)	-	1,397,892,595	-	(6,868,695,567)	(5,470,802,972)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	(12,000,000,000)	(12,000,000,000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	100,000,000,000	23,626,337,308	-	39,557,009,447	163,183,346,755

(1) Căn cứ vào Nghị quyết số 138/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng là 1.397.892.595 đồng và 5.470.802.972 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

- (2) Căn cứ vào Nghị quyết số 138/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, tỷ lệ chia cổ tức năm 2015 cho các cổ đông dự kiến là 12% mệnh giá cổ phần tương đương 12.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức với số tiền 6.000.000.000 đồng và tạm trích cổ tức đợt 2 với số tiền 6.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2015</u>
	(%)	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	75.0%	75,000,000,000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4.9%	4,900,000,000
Công ty TNHH Minh Tân	3.0%	3,000,000,000
Các cổ đông khác	17.1%	17,100,000,000
	<u>100%</u>	<u>100,000,000,000</u>

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Trung Tây Nguyên, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Doanh thu phân bón	2,435,707,807,800	2,346,910,782,758
Doanh thu hóa chất	14,923,027,120	8,098,692,440
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29,010,593,735	25,420,884,169
	<u>2,479,641,428,655</u>	<u>2,380,430,359,367</u>
Chiết khấu thương mại	27,405,994,904	32,398,963,246
Giảm giá hàng bán	99,240,000	19,047,619
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>2,452,136,193,751</u>	<u>2,348,012,348,502</u>
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<u>969,055,923,124</u>	<u>834,716,227,885</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Giá vốn phân bón	2,326,089,587,382	2,219,487,630,009
Giá vốn hóa chất	14,351,140,800	7,880,221,145
Giá vốn cung cấp dịch vụ	28,786,482,022	25,248,060,151
	<u>2,369,227,210,204</u>	<u>2,252,615,911,305</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	21,689,972,969	19,504,595,132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,599,849,524	7,046,524,279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46,996,011,665	37,492,999,211
Chi phí khác bằng tiền	5,865,235,005	5,994,200,852
	<u>81,151,069,163</u>	<u>70,038,319,474</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	9,025,647,746	7,944,395,809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,400,561,246	3,973,708,083
Các khoản chi phí bán hàng khác	15,940,768,797	12,202,212,138
	<u>29,366,977,789</u>	<u>24,120,316,030</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	14,327,537,333	11,560,199,323
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8,025,452,395	10,897,804,420
	<u>22,352,989,728</u>	<u>22,458,003,743</u>

24. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập khác		
Tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng	718,570,521	603,733,334
Tài sản được khuyến mại	827,102,593	-
Thu nhập khác	9,100,000	18,596,755
	<u>1,554,773,114</u>	<u>622,330,089</u>
Chi phí khác		
Tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng	16,312,893	264,930,250
Chi phí khác	31,521,672	180,039
	<u>47,834,565</u>	<u>265,110,289</u>
Lợi nhuận khác	<u>1,506,938,549</u>	<u>357,219,800</u>

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	35,899,052,214	52,211,792,842
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	83,752,615	-
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	35,982,804,829	52,211,792,842
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7,916,217,062	11,486,594,425
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	51,541,526	526,738,295
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7,967,758,588	12,013,332,720

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27,957,851,890	40,198,460,122
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	5,470,802,972	6,623,075,030
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22,487,048,918	33,575,385,092
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10,000,000	10,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,249	3,358

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	152,783,228	152,783,228
Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m ² tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m ² /năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.		

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	107,126,128,345	74,574,624,839
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10,000,000,000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19,038,880,101	28,083,592,661
Tổng cộng	136,165,008,446	102,658,217,500
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	52,500,000,000
Phải trả người bán và phải trả khác	84,020,819,257	38,053,818,127
Chi phí phải trả	120,719,383	-
Tổng cộng	84,141,538,640	90,553,818,127

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	107,126,128,345	-	107,126,128,345
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10,000,000,000	-	10,000,000,000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18,917,320,101	121,560,000	19,038,880,101
Tổng cộng	136,043,448,446	121,560,000	136,165,008,446
31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	84,020,819,257	-	84,020,819,257
Chi phí phải trả	120,719,383	-	120,719,383
Tổng cộng	84,141,538,640	-	84,141,538,640
Chênh lệch thanh khoản thuần	51,901,909,806	121,560,000	52,023,469,806
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	74,574,624,839	-	74,574,624,839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28,080,592,661	3,000,000	28,083,592,661
Tổng cộng	102,655,217,500	3,000,000	102,658,217,500
31/12/2014			
Các khoản vay	52,500,000,000	-	52,500,000,000
Phải trả người bán và phải trả khác	38,053,818,127	-	38,053,818,127
Tổng cộng	90,553,818,127	-	90,553,818,127
Chênh lệch thanh khoản thuần	12,101,399,373	3,000,000	12,104,399,373

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Cùng Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	Thành viên góp vốn
Công ty TNHH MTV Minh Tân	Thành viên góp vốn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Bán hàng	940,500,351,268	811,516,274,769
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	47,300,015,400	43,870,493,670
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	31,229,090,000	48,472,656,447
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	14,923,027,120	3,220,489,600
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	-	1,089,709,529
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7,770,000	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	779,040,448,748	714,862,925,523
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	68,000,000,000	-
Cung cấp dịch vụ	28,555,571,856	23,199,953,116
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	9,434,998,227	1,879,123,761
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	18,748,611,683	20,915,042,680
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	198,911,553	88,899,149
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	222,661,155
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	10,521,800	11,270,600
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	5,100,000	26,138,219
Công ty TNHH MTV Minh Tân	157,428,593	56,817,552
Mua hàng hóa và dịch vụ	2,230,037,605,618	2,140,030,731,688
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1,501,656,073,672	1,648,366,556,181
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	1,233,676,000	14,416,403,048
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	609,695,535,557	330,310,524,015
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	629,446,882	710,792,883
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	232,980,000	275,240,000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	26,777,047,619
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	522,117,928	485,948,662
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	-	386,666,667
Công ty TNHH MTV Minh Tân	115,183,622,591	117,599,852,586
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	84,600,000	-
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	799,552,988	701,700,027
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	12,000,000,000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	12,124,916,504	16,492,078,200
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3,932,676,259	6,372,455,127
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	3,261,323,890	44,000,000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6,361,355	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	4,924,555,000	10,075,623,073
Trả trước cho người bán	6,860,161,950	13,804,521,352
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6,775,338,200	13,804,521,352
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	84,823,750	-
Phải thu khác	931,304,889	230,000,000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	872,416,000	170,000,000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	58,888,889	60,000,000
Phải trả người bán	73,689,091,405	25,707,479,976
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	73,374,670	35,747,605
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	1,017,765,000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	687,273,829	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	-	37,400,000
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	54,253,889	104,341,160
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	72,874,189,017	24,512,226,211
Người mua trả tiền trước	844,128,011	624,100,477
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	54,600,000	305,981,977
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	120,464,600	318,118,500
Công ty TNHH MTV Minh Tân	669,063,411	-
Phải trả ngắn hạn khác	5,355,000,000	8,290,000,000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5,355,000,000	7,500,000,000
- <i>Cổ tức</i>	4,500,000,000	7,500,000,000
- <i>Ứng trước thực hiện chương trình Tết vì người nghèo</i>	855,000,000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	-	490,000,000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	300,000,000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	5,378,061,808	4,798,042,827

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Thay đổi		
Tên chi tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	Tên chi tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Các khoản phải thu khác	135	662,735,150	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	662,851,759	Trình bày lại và đổi tên
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	116,609	2. Tài sản ngắn hạn khác	158	-	
3. Phải thu dài hạn khác	218	-	3. Phải thu dài hạn khác	216	3,000,000	Trình bày lại và đổi mã số
4. Tài sản dài hạn khác	268	3,000,000	4. Tài sản dài hạn khác	268	-	
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Quỹ đầu tư phát triển	417	13,804,144,049	1. Quỹ đầu tư phát triển	418	22,948,444,713	Trình bày lại và đổi mã số
2. Quỹ dự phòng tài chính	418	9,144,300,664				<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		4,020			3,358	Thay đổi phương pháp tính

Phan Thị Tuyết Minh
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng

Cao Trung Kiên
Giám đốc

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**

Cao Trung Kiên